

BMCV - CN 01A

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN
LOAN APPLICATION AND PLAN TO USE BORROWED FUND**

1. Thông tin pháp lý của Bên vay (Legal information)

1.1 Thông tin cá nhân (Personal reference)			
Họ và tên (Name)	Ngày sinh (DOB)
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (ID/Passport)	Số (No.):..... Nơi cấp (Place of issue):	Ngày cấp (Issue date):.....	Số CMND cũ (9 số):
Hộ khẩu thường trú (Permanent address)		
Địa chỉ hiện tại (Current address)		
Di động (Mobile)	Email:
Tình trạng hôn nhân (Marital status)	<input type="checkbox"/> Độc thân (Single) <input type="checkbox"/> Ly hôn (Divorced)	<input type="checkbox"/> Đã kết hôn (Married) <input type="checkbox"/> Khác (Others):	
Trình độ học vấn/Bằng cấp (Education/Degree)	<input type="checkbox"/> Trung cấp (Intermediate) <input type="checkbox"/> Cao đẳng (College) <input type="checkbox"/> Đại học (University)	<input type="checkbox"/> Thạc sĩ (Master) <input type="checkbox"/> Tiến sĩ (Doctor) <input type="checkbox"/> Khác (Others)	
Hình thức sở hữu nhà ở (Method of housing ownership)	<input type="checkbox"/> Nhà riêng (Principal Owned) <input type="checkbox"/> Nhà của gia đình (Family Owned)	<input type="checkbox"/> Nhà thuê (Rent house) <input type="checkbox"/> Khác (Others)	
Phương tiện đi lại (Transport means)	<input type="checkbox"/> Ô tô (thuộc sở hữu)/Car (ownership) <input type="checkbox"/> Khác (Others)	<input type="checkbox"/> Xe máy (Motorbike)	

1.2 Thông tin nghề nghiệp của Bên vay (Job information)

Tên công ty (Company's name) /Mã số thuế công ty (Tax code)	Ngày vào công ty (Date of joint)	Bộ phận (Department)	Chức danh (Position)	Loại hình hợp đồng lao động (Employment Type) <input type="checkbox"/> Toàn thời gian – không xác định thời hạn (Full time - unlimited) <input type="checkbox"/> Toàn thời gian – xác định thời hạn (Full time - limited) <input type="checkbox"/> Bán thời gian (Part time) <input type="checkbox"/> Khác (Others)
Tổng tiền lương (Annual Salary)			
Số tiền tiêu dùng cá nhân (Year Expenditure)			
Hình thức nhận lương (Salary Form)			<input type="checkbox"/> Tài khoản (Banking account) tại ngân hàng (at):.....	<input type="checkbox"/> Tiền mặt (Cash)
Công ty trước đó (Previous Workplace Name)				

1.3 Thông tin về vợ/chồng của Bên vay (Information of Wife/Husband of The Borrower)

Họ và tên (Name)	Ngày sinh (DOB)
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (ID/Passport)	Số (No.):..... Nơi cấp (Place of issue):	Ngày cấp (Issue date):.....	
Địa chỉ hiện tại (Current address)		
Điện thoại (Mobile)	Di động (Mobile) :	Email:
Trình độ học vấn (Qualification)	<input type="checkbox"/> Trung cấp (Intermediate) <input type="checkbox"/> Cao đẳng (College)	<input type="checkbox"/> Đại học (University)/ Sau đại học (Post University) <input type="checkbox"/> Khác (Others):	
Phương tiện đi lại (Transportation)	<input type="checkbox"/> Ô tô (thuộc sở hữu)/Car (ownership) <input type="checkbox"/> Khác (Others)	<input type="checkbox"/> Xe máy (Motorbike)	

Nghề nghiệp (Job)

Tên đơn vị công tác (Working place)	Địa chỉ (Address)	Lĩnh vực kinh doanh (Business area)	Chức vụ (Position)	Tổng tiền lương (Annual Salary)
.....

BMCV - CN 01A

1.4 Số người phụ thuộc (the number of dependence people):

2. Thông tin và mục đích vay vốn (Loan application and loan purpose)

Tôi/ Chúng tôi đề nghị Woori bank cấp tín dụng theo các nội dung cụ thể sau đây/(We hereby request Woori Bank to grant loan for us as follow):

Tổng nhu cầu vốn (Total capital demand) (bằng chữ/in words
Vốn tự có (Owned capital)
Số tiền cần vay tại Woori Bank/(Loan amount need to borrow)
Thời hạn (Loan period) năm (years) Thời gian ân hạn (grace period): năm (từ ngày giải ngân/from disbursement date)
Phương thức trả nợ (Repayment schedule)	Trả lãi (interest): Hàng tháng vào ngày(Monthly, on.....) Trả gốc (principal): hàng tháng, vào ngày, sau thời gian ân hạn Monthly, on after grace period)
Đề xuất khác (Others)

Mục đích vay vốn (Loan purpose):

<input type="checkbox"/> Vay mua ô tô (Car Loan)	Loại xe (Type): <input type="checkbox"/> Xe mới (New car) <input type="checkbox"/> Xe đã qua sử dụng (Used car) Năm sản xuất (Manufacturing year): Năm đăng ký (Registered year): Tên/chủng loại xe (Name/Car type):
<input type="checkbox"/> Vay mua BĐS (Real Estate loan)	Loại BĐS (Type): <input type="checkbox"/> Chung cư (Apartment) <input type="checkbox"/> Nhà đất (House)
<input type="checkbox"/> Vay xây mới nhà (House Construction loan)	<input type="checkbox"/> Đất (Land) <input type="checkbox"/> Khác (Other)
<input type="checkbox"/> Vay sửa chữa nhà (House repair loan)	Giấy tờ chứng minh Quyền sử dụng, quyền sở hữu (Certificate on using right, ownership): Địa chỉ (Address):
<input type="checkbox"/> Vay mua sắm đồ dùng gia đình (Consumer Loan)
<input type="checkbox"/> Mục đích khác (Other purposes)

3. Nguồn trả nợ (Repayment source)

Các nguồn thu nhập thường xuyên (Permanent income source):

TT No.	Khoản thu nhập (Income/Expense)	Thu nhập của Bên vay (Borrower's Income)	Thu nhập của vợ/chồng của Bên vay (Borrower's Husband/wife income)
1.	Thu nhập từ lương và các khoản theo lương(Salary)
2.	Thu nhập từ kinh doanh (Business)
3.	Thu nhập từ cho thuê tài sản (Assets for lease)
4.	Thu nhập khác (Others)

4. Tình hình tài sản và nghĩa vụ nợ hiện tại của Bên vay (Assets situation and liabilities) (Đơn vị/Unit: VND)

Tài sản (Assets)		
Loại tài sản (Assets type) (*)	Chứng từ sở hữu tài sản (Proof of asset ownership)	Giá trị (Value)
.....
.....

(*) VD: Quyền sử dụng đất, nhà ở, sổ tiết kiệm, xe ô tô, chứng khoán)(Ex: Land use right, house, saving book, car, securities...)

Nợ phải trả (bao gồm cả vợ/ chồng- nếu có) (Liabilities (including husband/wife – if any)/ Thẻ tín dụng (Credit card):

Tên TCTD/ Chủ nợ khác (nếu có) (Credit institution/Other Creditors (if any)	Loại khoản vay/Mục đích vay (Loan type/Fund purpose)	Dư nợ vay (Outstanding balance)	Thời hạn vay (Loan duration)	Số tiền trả gốc lãi hàng tháng (Monthly debt repayment)
.....
.....
.....

BMCV - CN 01A

5. Thông tin tài sản đảm bảo (Collateral info)

(Please fill in Appendix 1 if The Collateral Owner is differing from The Borrower)

Tên tài sản bảo đảm (Collateral name)	Tên chủ sở hữu (Owner)	Mối quan hệ của chủ sở hữu TSDB và khách hàng vay vốn (Relationship between the Borrower and the Collateral Owner)	Số điện thoại (Cellphone)
.....

6. Cam kết của Bên vay và Chủ sở hữu TSDB (Commitment of the Borrower and The Collateral Owner)

Tôi/Chúng tôi xin cam kết *(We hereby commit):*

- Tất cả các thông tin trong Giấy đề nghị vay vốn này và tất cả các giấy tờ mà Tôi/Chúng tôi cung cấp cho Ngân hàng là đầy đủ, chính xác, hợp pháp và đúng sự thực và Tôi/Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin sai lệch nào *(All informations and documents that I/we provide to your Bank is sufficient, accurate and truthful and I/we shall take all responsibilities to any difference.)*
- Dùng mọi nguồn thu nhập hợp pháp để thanh toán cho mọi nghĩa vụ phát sinh với Ngân hàng *(To utilize all legally income to settlement all arising obligations with the Bank).*
- Đồng ý cho Ngân hàng thu thập, sử dụng và cung cấp các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến Chúng tôi, các thông tin liên quan đến các khoản tín dụng của Chúng tôi tại Ngân hàng, các thông tin được ghi nhận trong các hợp đồng, văn bản, thỏa thuận ký kết giữa Chúng tôi và Ngân hàng và/hoặc được ghi nhận trong các văn bản, tài liệu do Chúng tôi cung cấp cho Ngân hàng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức/cá nhân có liên quan khác mà Ngân hàng cho là cần thiết *(Agree for the Bank to collect, use and provide information including but no limitation of information related to Me/us information related to My/our credit at your Bank, and/or recorded in documents provided by Me/us to your Bank, competent authority that your Bank consider as necessary)*

....., Ngày/ Date tháng/month năm/year

Bên vay (Borrower)

(Ký, ghi rõ họ tên/sign, full name)